

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hòa

Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Chín

Ông Đỗ Văn Bình

Bà Lê Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký TAND tỉnh

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

TRỊNH VĂN T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1979 tại huyện T, tỉnh T;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: phường Q, thành phố L, tỉnh L; nghề nghiệp và chức vụ khi phạm tội: Phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố L; bị cáo là đảng viên Đảng CSVN và hiện đã bị khai trừ ra khỏi đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Lương Tr, sinh năm 1940 và con bà Phạm Thị Th, sinh năm 1950; có vợ là: Nguyễn Như H, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 25/7/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/6/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lê Mạnh Hùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu. (có mặt)

- Bị hại:

+ Trần Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn H, thị trấn P, huyện P, tỉnh L; (có mặt)

+ Vũ Đăng M, sinh năm 1956, địa chỉ: phường Q, thành phố L, tỉnh L; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Hoàng Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: phường Q, thành phố L, tỉnh L; (có mặt)

+ Bùi Văn H, sinh năm 1982, địa chỉ: phường Q, thành phố L, tỉnh L; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1971, địa chỉ: phường Q, thành phố L, tỉnh L; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo

Từ năm 2015 đến năm 2018, Trịnh Văn T đã lợi dụng chức vụ Phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố L để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, khoảng tháng 9/2015 qua người bạn giới thiệu, bà Trần Thị M đến nhà Trịnh Văn T để liên hệ xin việc cho con trai là Đào Tiến N, bà M đặt vấn đề và được T nhất trí xin cho N vào làm việc tại Chi cục Bảo vệ thực vật với giá 150 triệu đồng. Đến cuối tháng 9/2015 bà M vào nhà T ở tổ x, phường Q, thành phố L đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và 150 triệu đồng. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, T không xin được việc cho anh N và sử dụng hết số tiền trên vì mục đích cá nhân.

Lần thứ hai, do biết ông Vũ Đăng M có nhu cầu xin việc cho con gái Vũ Thị Thu H nên T gọi điện trao đổi và thống nhất với ông M về việc xin cho chị H vào làm kế toán trưởng học tại thành phố Lai Châu với chi phí 150 triệu đến 200 triệu đồng. Sau đó, ông M đến phòng làm việc của T đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc và 200 triệu đồng. Tiếp sau đó, T báo phát sinh kinh phí xin việc và được ông M đưa thêm cho 10 triệu đồng. Ngoài ra, T còn vay ông M 50 triệu đồng. Tuy nhiên, T không xin được việc cho con ông M.

Lần thứ ba, tháng 9/2017 qua giới thiệu T gặp và thỏa thuận với bà Hoàng Thị L về việc T xin việc cho con gái bà L là Nguyễn Thị L vào công chức ngành Y tế

với chi phí 200 triệu đồng, nhưng sau đó T bảo với bà L là xin việc cho chị L vào làm y tế học đường. Tổng cộng, bà L chuyển cho T 302 triệu đồng để xin việc nhưng T không xin được việc và số tiền trên T chơi lô, đề hết.

Lần thứ tư, tháng 3/2018, T trao đổi và thống nhất với anh Bùi Văn H giáo viên huyện S về việc chuyển công tác về thành phố L với chi phí là 110 triệu đồng. Sau đó, anh H rủ thêm 02 giáo viên là chị Hoàng Thị X giáo viên ở huyện S và Nguyễn Thị Ng ở huyện P làm hồ sơ chuyển công tác, mỗi người góp 110 triệu đồng đưa cho anh H. Tổng cộng anh H đưa cho T 330 triệu đồng và T đã dùng chơi lô, đề hết. Sau khi biết T không có khả năng xin việc, anh H nhiều lần đòi lại số tiền trên nên vào tháng 11/2018 T nhờ vợ là Nguyễn Như H cầm 60 triệu đến trả cho anh H.

Lần thứ năm, tháng 6/2018 anh Nguyễn Văn Ch gặp và thỏa thuận với T về việc xin việc cho con trai anh C là Nguyễn Anh M vào ban Quản lý dự án thành phố L với chi phí 160 triệu đồng. Anh Ch đã chuyển cho T số tiền trên qua tài khoản của T và T đã chi tiêu cá nhân và chơi lô, đề. Sau khi biết T không có khả năng xin việc, anh Ch đã nhiều lần yêu cầu T trả lại số tiền trên và T đã trả cho anh Ch 55 triệu đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, bị cáo đã 05 lần lợi dụng chức vụ Phó trưởng phòng Nội vụ thành phố L và hứa hẹn xin việc hoặc chuyển công tác về thành phố Lai Châu để lấy tổng số tiền 1.152.000.000 đồng tiêu xài cá nhân và theo bị cáo khai nhận đã dùng vào việc đánh bạc.

Về các vấn đề khác của vụ án

- Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại (bà M, L) đề nghị Tòa buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: bà M là 150 triệu đồng và chị L là 302 triệu đồng.

Trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại (ông M, H, Ch) đề nghị Tòa buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: ông M là 210 triệu đồng, anh H là 270 triệu đồng và anh Ch là 105 triệu đồng; về hình phạt các bị hại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Theo khai nhận của bị cáo về việc bị cáo dùng tiền chiếm đoạt được để đánh bạc nhưng quá trình điều tra, truy tố và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSLC-P2 ngày 01/11/2019 của VKSND tỉnh Lai Châu truy tố Trịnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù bị cáo từ 13 - 14 năm tù và buộc bị cáo phải trả lại tiền cho các bị hại; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho rằng, Tòa cần lưu ý đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: bị cáo không làm chủ được bản thân, túng quẫn, làm liều và người bị hại thiếu cảnh giác, mong lợi cho thân nhân nên đưa tiền cho bị cáo. Trong quá điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen; bị cáo đã chủ động, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; thân nhân của bị cáo có công với đất nước. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa riêng đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Từ năm 2015 đến năm 2018, mặc dù bản thân không có khả năng xin việc, xin chuyển công tác nhưng bị cáo Trịnh Văn T vẫn hứa hẹn xin việc, xin chuyển công tác và lợi dụng sự tin tưởng của một số người về cương vị Phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố L của bị cáo, bị cáo đã đưa ra thông tin giả về việc một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố L có nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận người làm việc để

chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu xin việc hoặc xin chuyển công tác về thành phố L để lấy tiền tiêu xài cá nhân:

Lần thứ nhất, khoảng tháng 9/2015, bị cáo nhận của bà Trần Thị M 150 triệu đồng để xin việc cho con bà M vào làm việc ở Chi cục Bảo vệ thực vật ở thành phố L.

Lần thứ hai, năm 2017, bị cáo nhận của ông Vũ Đăng M 210 triệu đồng để xin việc cho con ông M vào làm kế toán trường học tại thành phố Lai Châu.

Lần thứ ba, từ tháng 9/2017 đến ngày 11/3/2018, bị cáo lần lượt nhận của bà Hoàng Thị L với tổng số tiền là 302 triệu đồng để xin việc cho con bà L vào làm công chức ngành Y tế hoặc làm y tế học đường ở thành phố L.

Lần thứ tư, tháng 3/2018, bị cáo nhận của anh Bùi Văn H 330 triệu đồng để xin chuyển công tác về thành phố cho anh H và hai cá nhân khác (anh H đứng ra giúp hai cá nhân khác).

Lần thứ năm, tháng 6/2018, bị cáo nhận của anh Nguyễn Văn Ch 160 triệu đồng để xin việc cho con anh Ch vào làm việc ở Ban Quản lý dự án thành phố L.

Bị cáo Trịnh Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với cương vị Phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố L và không có khả năng xin việc và cho chuyển công tác từ các huyện về thành phố L nhưng bị cáo đã tạo được sự tin tưởng của người khác và hứa hẹn với những người có nhu cầu xin việc hoặc chuyển công tác về thành phố L để lấy 1.152.000.000 đồng tiêu xài. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Hành vi đó của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm và đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” - tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Do đó, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về ý kiến của người bào chữa, Hội đồng xét xử sẽ lưu ý để áp dụng những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Trịnh Văn T từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng và được học hành, bản thân chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo đều đã thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại xảy ra; quá trình công tác, bị cáo được BCHTW Đoàn TNCSHCM và UBND tỉnh L tặng Bằng khen và danh hiệu thi đua vì có thành tích xuất sắc trong công tác; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đây là các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo - theo điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên; lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo – theo điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở các quy định của Bộ luật hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Bên cạnh đó, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 07 tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, còn phải thi hành là 06 tháng 27 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” – theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (Bản án số 19/2019/HSST ngày 25/7/2019 và Công văn số 05/2019/TB-TA, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc đính chính bản án của Tòa án nhân dân thành phố L). Do đó, Tòa án cần quyết định hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tòa cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Trả lại cho bà Trần Thị M 150.000.000 đồng;
- Trả lại cho ông Vũ Đăng M 210.000.000 đồng;
- Trả lại cho bà Hoàng Thị L 302.000.000 đồng;
- Trả lại cho anh Bùi Văn H 270.000.000 đồng (bị cáo chiếm đoạt của anh H 330.000.000 đồng nhưng sau khi phạm tội, bị cáo đã trả lại cho anh H 60.000.000 đồng nên còn lại là 270.000.000 đồng);
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Ch 105.000.000 đồng (bị cáo chiếm đoạt của anh Ch 160.000.000 đồng nhưng sau khi phạm tội, bị cáo đã trả lại cho anh Ch 55.000.000 đồng nên còn lại là 105.000.000 đồng).

[5] Về án phí hình sự: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử cần quyết định bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 43.110.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với những người bị hại trong vụ án này là những người đưa tiền và hồ sơ nhờ bị cáo xin việc và điều chuyển công tác đã có dấu hiệu của tội Đưa hối lộ, tuy nhiên những người này cũng bị T lừa, đưa tiền cho T với mục đích giúp đỡ người thân, không vì mục đích tư lợi, đã chủ động tố cáo trước khi tội phạm được phát hiện, do đó không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với những người giới thiệu các bị hại đến nhờ bị cáo xin việc, tuy nhiên những người này cũng tin tưởng bị cáo là phó Trưởng phòng Nội vụ thành phố có khả năng xin được việc nên mới giới thiệu cho bị cáo, quá trình giới thiệu cũng không tư lợi cá nhân, không biết là bị cáo lừa đảo nên không đề cập xử lý trong cùng vụ án.

Sau khi lừa đảo và chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo đã có hành vi làm giả thông báo của Thành ủy thành phố Lai Châu và văn bản của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu để bị hại tin tưởng và không tiếp tục đòi tiền bị cáo. Do các văn bản này chỉ là bản phô tô, không có giá trị pháp lý nên bị cáo không phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Theo khai nhận của bị cáo, số tiền chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo đã dùng vào việc chi tiêu cá nhân và chơi lô đề hết và trong quá trình điều tra không xác định được bị cáo chơi lô đề với ai nên không có căn cứ xem xét xử lý bị cáo về tội đánh bạc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 13 năm tù.

Áp dụng Điều 55 và 56 của Bộ luật hình sự, hình phạt chung của hai bản án là 13 năm 06 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/6/2019.

2/- Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Trịnh Văn T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bà Trần Thị M 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*);

- Trả lại cho ông Vũ Đăng M 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*);

- Trả lại cho bà Hoàng Thị L 302.000.000 đồng (*Ba trăm linh hai triệu đồng*);

- Trả lại cho anh Bùi Văn H 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*);

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Ch 105.000.000 đồng (*Một trăm linh năm triệu đồng*).

Áp dụng các Điều 274, 275, 357, 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Áp dụng Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự: Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án.

3/- Án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội: bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST và 43.110.000 đồng án phí DSST.

Báo cho bị cáo, các bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKS, CA, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo, BH (VM);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoà